

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN YÊN BÌNH
TỈNH YÊN BÁI**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 02/2023/HNGĐ-ST

Ngày: 10-01-2023

V/v: “Ly hôn, tranh chấp về nuôi con”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN YÊN BÌNH – TỈNH YÊN BÁI

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Lê Thị Thanh Nga

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Nguyễn Văn Thống và ông Lương Anh Tuấn

-Thư ký phiên tòa: Bà Đinh Thị Kim Thao - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Yên Bình.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Yên Bình tham gia phiên tòa: Ông Nguyễn Quang Tân – Kiểm sát viên.

Ngày 10 tháng 01 năm 2023 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Yên Bình xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 168/2022/TLST-HNGĐ ngày 03 tháng 10 năm 2022 về: Ly hôn, tranh chấp về nuôi con theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số:76/2022/QĐXX - ST ngày 30 tháng 11 năm 2022 và Thông báo mở lại phiên tòa số: 39/2022/QĐST-HNGĐ ngày 22 tháng 12 năm 2022 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Anh Hứa Văn L, sinh năm 1980

Bị đơn: Chị Tường Thị P, sinh năm 1982

Cùng địa chỉ: Thôn N, xã N, huyện Y, tỉnh Yên Bái.

(Chị P vắng mặt, anh L có đơn xin xét xử vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

**Tại đơn khởi kiện, bản tự khai, quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn – anh Hứa Văn L trình bày:*

Về quan hệ hôn nhân: Anh và chị Tường Thị P được hai bên gia đình tổ chức lễ

cưới theo phong tục địa phương và chung sống với nhau từ năm 2000. Đến ngày 12-3-2004 thì thực hiện việc đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã Ngọc Chấn, huyện Yên Bình, tỉnh Yên Bái. Vợ chồng chung sống hạnh phúc đến năm 2007 thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân là do bất đồng quan điểm sống, tính tình không hợp nhau, chị Phụng đi làm ăn xa, không quan tâm đến chồng con. Mặc dù, anh đã khuyên bảo chị P nhiều lần nhưng không được. Vợ chồng sống ly thân từ năm 2012 cho đến nay, không còn quan tâm đến nhau nữa. Nay anh xác định tình cảm vợ chồng với chị P không còn và đề nghị Tòa án giải quyết cho anh được ly hôn với chị Tướng Thị P.

Về nuôi con chung: Vợ chồng có 02 con chung là Hứa Thị L, sinh ngày 15-5-2002 và Hứa Hồng S, sinh ngày 05-3-2006. Hiện nay cháu L đã trưởng thành nên không yêu cầu Tòa án giải quyết. Đối với cháu S, anh có nguyện vọng được trực tiếp nuôi dưỡng cho đến khi cháu đủ 18 tuổi. Anh không yêu cầu chị P cấp dưỡng nuôi con.

Về chia tài sản và nợ chung: Anh không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Trong quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã thực hiện đầy đủ thủ tục tố tụng theo quy định của pháp luật và tổng đạt hợp lệ các văn bản tố tụng cho chị Tướng Thị P nhưng chị P không thực hiện các quyền và nghĩa vụ của mình. Do đó, Tòa án không tiến hành hòa giải được.

Tòa án đã xác minh qua anh trai của chị Tướng Thị P là anh Tướng Văn N cung cấp: Chị P và anh L được hai bên tổ chức lễ cưới theo phong tục và chung sống với nhau từ năm 2000, sau khi kết hôn thì chị P nhập khẩu chung sống với chồng ở thôn N, xã N, huyện Y, tỉnh Yên Bái. Chị P có đi làm ăn và vẫn thỉnh thoảng về thăm gia đình. Việc anh L xin ly hôn anh đã nhận thông báo và đã chuyển tới chị P. Anh xác nhận chị P vẫn đăng ký hộ khẩu tại thôn N, xã N, huyện Y, tỉnh Yên Bái. Chị P và anh L có hai con chung, cháu L đã trưởng thành còn cháu S hiện nay vẫn ở cùng với anh L, do anh L trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc.

Ý kiến của con chung: Cháu Hứa Hồng S có nguyện vọng ở với bố

Ý kiến của đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Yên Bình tại phiên tòa: Quá trình thụ lý, giải quyết vụ án tại phiên tòa, Thẩm phán và Hội đồng xét xử đã thực hiện đúng các quy định của pháp luật tố tụng dân sự; quyền và nghĩa vụ của đương sự

được đảm bảo đúng quy định của pháp luật. Đề nghị HĐXX áp dụng Khoản 1 Điều 51, khoản 1 Điều 56, Điều 81, Điều 82, Điều 83 Luật hôn nhân gia đình; khoản 4 Điều 147, Điều 238, Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự; Điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của anh Hứa Văn L để xử cho anh Hứa Văn L được ly hôn với chị Tường Thị P. Về nuôi con chung: Giao con chung là: Hứa Hồng S, sinh ngày 05-3-2006 cho anh Hứa Văn L trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc và giáo dục cho đến khi đủ 18 tuổi hoặc khi có sự thay đổi theo pháp luật; về án phí: Anh Hứa Văn L phải chịu án phí dân sự theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng: Chị Tường Thị P có đăng ký hộ khẩu thường trú tại thôn N, xã N, huyện Y, tỉnh Yên Bái nên yêu cầu ly hôn của anh Hứa Văn L thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Yên Bình.

Anh Hứa Văn L và chị Tường Thị P đã được Tòa án tổng đạt hợp lệ. Anh L có đơn xin xét xử vắng mặt, chị P vắng mặt lần thứ hai tại phiên tòa. Vì vậy, Tòa án nhân dân huyện Yên Bình xét xử vắng mặt các đương sự theo quy định tại điểm a, b khoản 1 Điều 238 Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] Về quan hệ hôn nhân: Anh Hứa Văn L và chị Tường Thị P kết hôn tự nguyện, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã N, huyện Y, tỉnh Yên Bái ngày 12-3-2004, vì vậy quan hệ hôn nhân giữa anh chị là hợp pháp.

Trong quá trình giải quyết vụ án, anh L cho rằng vợ chồng có mâu thuẫn do bất đồng quan điểm sống, chị P đi làm ăn xa, không quan tâm chồng con, anh chị đã sống ly thân từ năm 2012, không còn quan tâm đến nhau nữa. Mặc dù chị P đã được Tòa án tổng đạt hợp lệ nhưng không có mặt, thể hiện chị không có thiện chí hòa giải, mặt khác, việc chị P đi làm ăn, không có nhà cũng được anh trai của chị P xác nhận. Từ đó có căn cứ cho thấy tình trạng hôn nhân giữa anh Hứa Văn L và chị Tường Thị P đã thực sự trầm trọng, đời sống chung không còn tồn tại, mục đích hôn nhân không đạt được. Yêu

cầu xin ly hôn của anh Hứa Văn L là có căn cứ. Vì vậy, cần áp dụng khoản 1 Điều 56 Luật hôn nhân gia đình để xử cho anh Hứa Văn L được ly hôn chị Tường Thị P.

[3] Về nuôi con chung: Anh Hứa Văn L và chị Tường Thị P có hai con chung là Hứa Thị L, sinh ngày 15-5-2002 và Hứa Hồng S, sinh ngày 05-3-2006. Cháu L đã trưởng thành nên Hội đồng xét xử không xem xét. Đối với cháu Hứa Hồng S, anh L có nguyện vọng được nuôi dưỡng cháu. Xét nguyện vọng của anh L là có cơ sở bởi lẽ: Kể từ khi vợ chồng sống ly thân thì cháu S do anh L trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng, sự việc này cũng được anh trai chị P xác nhận. Mặt khác chị P không có mặt tại Tòa án thể hiện ý chí về việc nuôi con. Do vậy, cần giao cháu S cho anh L trực tiếp nuôi dưỡng là phù hợp với thực tế và nguyện vọng của con chung.

Về cấp dưỡng nuôi con: Do anh L không yêu cầu nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[4] Về chia tài sản và nợ chung: Anh L không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[5] Về ý kiến của Đại diện Viện kiểm sát tham gia phiên tòa: Đại diện Viện kiểm sát đã phát biểu ý kiến về quá trình thụ lý, giải quyết của Thẩm phán, thư ký, của Hội đồng xét xử, của người tham gia tố tụng tại phiên tòa và quan điểm giải quyết nội dung vụ án đúng theo quy định của pháp luật.

[6] Về án phí: Anh Hứa Văn L phải chịu án phí dân sự sơ thẩm.

Các đương sự được quyền kháng cáo theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên:

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 51, khoản 1 Điều 56, Điều 57, Điều 81, 82, 83 Luật Hôn nhân gia đình năm 2014; Khoản 4 Điều 147, Điều 273 Bộ luật Tố tụng dân sự; Điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội về án phí, lệ phí Tòa án.

1. Về quan hệ hôn nhân: Anh Hứa Văn L được ly hôn chị Tường Thị P.

2. Về nuôi con chung: Giao con chung là Hứa Hồng S, sinh ngày 05-3-2006 cho anh Hứa Văn L trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc và giáo dục cho đến khi đủ 18 tuổi hoặc khi có sự thay đổi.

Người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung không ai được cản trở.

3. Về án phí: Anh Hứa Văn L phải nộp 300.000 đồng tiền án phí dân sự sơ thẩm được trừ vào số tiền tạm ứng án phí 300.000 đồng đã nộp tại biên lai số: 0002873 ngày 03-10-2022 của chi cục thi hành án dân sự huyện Yên Bình, tỉnh Yên Bái (xác nhận anh L đã nộp đủ).

Các đương sự được quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo các điều 6, 7, 7a và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành được thực hiện theo quy định tại điều 30 Luật thi hành án dân sự./.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh;
- VKSND huyện Yên Bình;
- THADS huyện Yên Bình;
- UBND xã Ngọc Chấn;
- Các đương sự;
- Lưu HS, TA.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TOẠ PHIÊN TOÀ
(Đã ký)**

Lê Thị Thanh Nga